BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030

HUYỆN ĐỒNG HỶ - TỈNH THÁI NGUYÊN

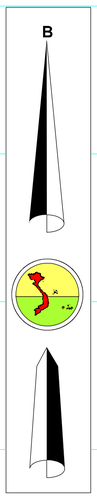

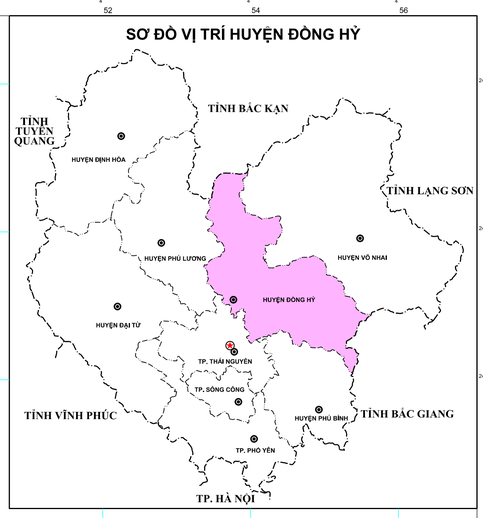

TỈNH BẮC KẠN

HUYỆN PHÚ LƯƠNG

HUYỆN VÕ NHAI

TP. THÁI NGUYÊN

TỈNH BẮC GIANG

HUYỆN PHỔ BÌNH

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Đất trồng lúa	LUA	MÃ HT LUA	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	MÃ HT TSC	**Địa giới hành chính**		
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	MÃ HT LUC	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	MÃ HT DTS	Địa giới hành chính cấp tỉnh xác định		
Đất trồng lúa nước còn lại	LUK		Đất cơ sở tôn giáo	TON	MÃ HT TON	Địa giới hành chính cấp huyện xác định		
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	MÃ HT HNK	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	MÃ HT NTD	Địa giới hành chính cấp xã xác định		
Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK		Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	MÃ HT SKX	**Đối tượng kinh tế, văn hóa, xã hội**		
Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK		Đất công trình năng lượng	DNL	MÃ HT DNL	Trụ sở UBND cấp tỉnh		
Đất trồng cây lâu năm	CLN	MÃ HT CLN	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	MÃ HT DKV	Trụ sở UBND cấp huyện		
Đất rừng phòng hộ	RPH	MÃ HT RPH	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	MÃ HT TIN	Trụ sở UBND cấp xã		
Đất rừng sản xuất	RSX	MÃ HT RSX	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	MÃ HT SON	Đình, chùa, miếu, đền		
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	MÃ HT NTS	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	MÃ HT MNC	Nhà thờ		
Đất nông nghiệp khác	NKH	MÃ HT NKH	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	MÃ HT PNK	Sân vận động		
Đất quốc phòng	CQP	MÃ HT CQP	Đất chưa sử dụng	CSD		Trường học		
Đất an ninh	CAN	MÃ HT CAN				Bệnh viện, trạm y tế		
Đất khu công nghiệp	SKK	MÃ HT SKK	Ranh giới khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)			Bưu điện		
Đất cụm công nghiệp	SKN	MÃ HT SKN	Ranh giới khu du lịch			**Giao thông và các đối tượng liên quan**		
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	MÃ HT TMD	Ranh giới khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)			Quốc lộ	QL	
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	MÃ HT SKC	**Thủy hệ và các đối tượng liên quan**			Quốc lộ nâng cấp, cải tạo	QL	
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	MÃ HT SKS	Sông, suối, hồ, ao			Đường tỉnh	ĐƯỜNG TỈNH	ĐƯỜNG TỈNH
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp xã	DHT	MÃ HT DHT	Kênh, mương			Đường tỉnh nâng cấp, cải tạo	ĐƯỜNG TỈNH	ĐƯỜNG TỈNH
Đất giao thông	DGT	MÃ HT DGT	Đập			Đường huyện	ĐƯỜNG HUYỆN	ĐƯỜNG HUYỆN
Đất thủy lợi	DTL	MÃ HT DTL	**Địa hình**			Đường liên xã		
Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	MÃ HT DVH	Bình độ cái và ghi chú độ cao bình độ			Đường xóm		
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	MÃ HT DYT	Điểm độ cao, ghi chú độ cao			Đường đất nhỏ		
Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	MÃ HT DGD				Đường sắt		
Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	MÃ HT DTT	Cầu sắt					
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	MÃ HT DDT	Cầu bê tông					
Đất danh lam thắng cảnh	DDL	MÃ HT DDL	Cầu treo					
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	MÃ HT DRA	Cầu tre, gỗ					
Đất ở tại đô thị	ODT	MÃ HT ODT						
Đất ở tại nông thôn	ONT	MÃ HT ONT						

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên 43173,14 ha)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm ...	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm .....*	*Đồng Hỷ, ngày ..... tháng ..... năm .....*	*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....*
CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC

NGUỒN TÀI LIỆU

- Bản đồ phương án QHSDĐ thời kỳ 2021-2030 tỉnh Thái Nguyên
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Đồng Hỷ
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Đồng Hỷ
- Bản đồ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỉ lệ 1:25.000 năm 2022

TỶ LỆ 1 : 25000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

Công ty Cổ phần tư vấn Quy hoạch và phát triển công nghệ Á Châu